

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trường trung học phổ thông
năm học 2026 - 2027

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	15	Số 1,72m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	15	1,72
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	10	1,59
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	
7	Bình quân lớp/phòng học	1	
8	Bình quân học sinh/lớp	36	
III	Số điểm trường	0	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	23,226	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	3.984	
VI	Tổng diện tích các phòng	2195	
1	Diện tích phòng học (m ²)	873	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	803	
3	Diện tích thư viện (m ²)	80	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	606	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội(m ²)	16,6	
6	Diện tích phòng truyền thống (m ²)	57	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 10 (Chương trình GDPT 2018) - Môn Vật lí - Môn Hóa học	36 12	18 12

	- Môn Sinh học	6	
1.2	Khối lớp 11 (Chương trình GDPT 2018) - Môn Vật lí - Môn Hóa học - Môn Sinh học	16 5 6	8 5
1.3	Khối lớp 12 (Chương trình GDPT 2018) - Môn Vật lí - Môn Hóa học - Môn Sinh học	34 19 0	34 19
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 10 (Chương trình GDPT 2018) - Môn Vật lí - Môn Hóa học - Môn Sinh học	0 7 6	Dành cho chương trình GDPT 2018
2.2	Khối lớp 11 (Chương trình GDPT 2018) - Môn Vật lí - Môn Hóa học - Môn Sinh học	12 16 4	Dành cho chương trình GDPT 2018
2.3	Khối lớp 12 (Chương trình GDPT 2018) - Môn Vật lí - Môn Hóa học - Môn Sinh học	10 16 0	Dành cho chương trình GDPT 2018
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	528m	Vườn cây
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	15	Phòng tin học
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1.	Ti vi	18	
2.	Cát xét	0	
3.	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4.	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	6	
5.	Loa vi tính	8	
6.	Bộ trợ giảng	0	
7.	Cây nước nóng	2	
8.	Tủ tài liệu	54	
9.	Bảng thông minh	0	
10.	Máy hút mùi phòng hóa	1	
11.	Loa nghe môn tiếng Anh	0	
12.	Thiết bị khác	0	

X	Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong giảng dạy và học tập (hiện có trong thư viện)
----------	--

	Tên sách	Số lượng (bộ)	Nhà xuất bản
1	Sách giáo khoa lớp 6		
1.1	Toán	2	Kết nối trí thức
1.2	Ngữ Văn	2	Kết nối trí thức
1.3	Ngoại ngữ	2	Global Success
1.4	Lịch sử	2	Kết nối trí thức
1.5	Địa lý	2	Kết nối trí thức
1.6	KHTN	2	Kết nối trí thức
1.7	Tin	2	Kết nối trí thức
1.8	CN	2	Kết nối trí thức
1.9	HĐTNHN	2	Kết nối trí thức
1.10	GDTC	2	Kết nối trí thức
1.11	GD CD (GD KT PL)	2	Kết nối trí thức
1.12	Âm nhạc	2	Kết nối trí thức
1.13	Mĩ thuật	2	Kết nối trí thức
2	Sách giáo khoa lớp 7		
2.1	Toán	2	Kết nối trí thức
2.2	Ngữ Văn	2	Kết nối trí thức
2.3	Ngoại ngữ	2	Global Success
2.4	Lịch sử	2	Kết nối trí thức
2.5	Địa lý	2	Kết nối trí thức
2.6	KHTN	2	Kết nối trí thức
2.7	Tin	2	Kết nối trí thức
2.8	CN	2	Kết nối trí thức
2.9	HĐTNHN	2	Kết nối trí thức
2.10	GDTC	2	Kết nối trí thức
2.11	GD CD (GD KT PL)	2	Kết nối trí thức
2.12	Âm nhạc	2	Kết nối trí thức
2.13	Mĩ thuật	2	Kết nối trí thức
3	Sách giáo khoa lớp 8		
3.1	Toán	2	Kết nối trí thức
3.2	Ngữ Văn	2	Kết nối trí thức
3.3	Ngoại ngữ	2	Global Success
3.4	Lịch sử	2	Kết nối trí thức
3.5	Địa lý	2	Kết nối trí thức
3.6	KHTN	2	Kết nối trí thức
3.7	Tin	2	Kết nối trí thức

3.8	CN	2	Kết nối trí thức
3.9	HĐTNHN	2	Kết nối trí thức
3.10	GDTC	2	Kết nối trí thức
3.11	GDCD (GDKTPL)	2	Kết nối trí thức
3.12	Âm nhạc	2	Kết nối trí thức
3.13	Mĩ thuật	2	Kết nối trí thức
4	Sách giáo khoa lớp 9		
4.1	Toán	2	Kết nối trí thức
4.2	Ngữ Văn	2	Kết nối trí thức
4.3	Ngoại ngữ	2	Global Success
4.4	Lịch sử	2	Kết nối trí thức
4.5	Địa lý	2	Kết nối trí thức
4.6	KHTN	2	Kết nối trí thức
4.7	Tin	2	Kết nối trí thức
4.8	CN	2	Kết nối trí thức
4.9	HĐTNHN	2	Kết nối trí thức
4.10	GDTC	2	Kết nối trí thức
4.11	GDCD (GDKTPL)	2	Kết nối trí thức
4.12	Âm nhạc	2	Kết nối trí thức
4.13	Mĩ thuật	2	Kết nối trí thức
5	Sách giáo khoa lớp 10		
5.1	Ngữ văn Tập 1	2	Kết nối trí thức
5.2	Ngữ văn Tập 2	2	Kết nối trí thức
5.3	Toán Tập 1	2	Kết nối trí thức
5.4	Toán Tập 2	2	Kết nối trí thức
5.5	Tiếng Anh	2	Kết nối trí thức
5.6	Lịch sử	2	Kết nối trí thức
5.7	Giáo dục thể chất (Bóng đá, bóng rổ, đá cầu, cầu lông)	2	Kết nối trí thức
5.8	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	2	Kết nối trí thức
5.9	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	2	Kết nối trí thức
5.10	Nội dung giáo dục của địa phương	2	Kết nối trí thức
5.11	Địa lí	2	Kết nối trí thức
5.12	Giáo dục kinh tế và pháp luật	2	Kết nối trí thức
5.13	Vật lý	2	Kết nối trí thức
5.14	Hóa học	2	Kết nối trí thức
5.15	Sinh học	2	Kết nối trí thức
5.16	Công nghệ thiết kế	2	Kết nối trí thức

5.17	Tin học	2	Kết nối trí thức
6	Sách giáo khoa lớp 11	2	Kết nối trí thức
6.1	Ngữ văn Tập 1	2	Kết nối trí thức
6.2	Ngữ văn Tập 2	2	Kết nối trí thức
6.3	Toán Tập 1	2	Kết nối trí thức
6.4	Toán Tập 2	2	Kết nối trí thức
6.5	Tiếng Anh	2	Kết nối trí thức
6.6	Lịch sử	2	Kết nối trí thức
6.7	Giáo dục thể chất (Bóng đá, bóng rổ, đá cầu, cầu lông)	2	Kết nối trí thức
6.8	Giáo dục Quốc phòng -và An ninh	2	Kết nối trí thức
6.9	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	2	Kết nối trí thức
6.10	Nội dung giáo dục của địa phương	2	Kết nối trí thức
6.11	Địa lí	2	Kết nối trí thức
6.12	Giáo dục kinh tế và pháp luật	2	Kết nối trí thức
6.13	Vật lý	2	Kết nối trí thức
6.14	Hóa học	2	Kết nối trí thức
6.15	Sinh học	2	Kết nối trí thức
6.16	Công nghệ (cơ khí)		Kết nối trí thức
7	Sách giáo khoa lớp 12	2	Kết nối trí thức
7.1	Ngữ văn Tập 1	2	Kết nối trí thức
7.2	Ngữ văn Tập 2	2	Kết nối trí thức
7.3	Toán Tập 1	2	Kết nối trí thức
7.4	Toán Tập 2	2	Kết nối trí thức
7.5	Tiếng Anh	2	Kết nối trí thức
7.6	Lịch sử	2	Kết nối trí thức
7.7	Giáo dục thể chất (Bóng đá, bóng rổ, đá cầu, cầu lông)	2	Kết nối trí thức
7.8	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	2	Kết nối trí thức
7.9	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	2	Kết nối trí thức
7.10	Nội dung giáo dục của địa phương	2	Kết nối trí thức
7.11	Địa lí	2	Kết nối trí thức
7.12	Giáo dục kinh tế và pháp luật	2	Kết nối trí thức
7.13	Vật lý	2	Kết nối trí thức
7.14	Hóa học	2	Kết nối trí thức
7.17	Tin học (Định hướng Tin học ứng dụng)	2	Kết nối trí thức

	Nội dung	Số lượng(m²)
--	-----------------	--------------------------------

XI	Nhà bếp	50m2
XII	Nhà ăn	220m2

	Nội dung		Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)		Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ	
XIII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú		252		120	2,1	
XIV	Khu nội trú		27 (670)		108		
XV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh		
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ	
1.	Đạt chuẩn vệ sinh	x		x			
2.	Chưa đạt chuẩn vệ sinh						
	Nội dung				Có		Không
XVI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh				x		
XVII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)				x		
XVIII	Kết nối internet				x		
XIX	Trang thông tin điện tử (website) của trường				x		
XX	Tường rào xây				x		

Văn Đồn, ngày 28 tháng 7 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Hà